

## ĐỀ THI GIỮA HỌC KÌ 2 – ĐỀ SỐ 4

MÔN: TIẾNG ANH 9 FRIENDS PLUS

BIÊN SOẠN: BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAIHAY.COM

## HƯỚNG DẪN GIẢI

Thực hiện: Ban chuyên môn Loigiaihay.com

1. True	6. C	11. C	16. D	21. C	26. A	31. C	36. D
2. False	7. A	12. B	17. A	22. A	27. A	32. C	37. D
3. True	8. D	13. A	18. B	23. A	28. D	33. A	38. A
4. True	9. A	14. B	19. C	24. C	29. D	34. B	39. C
5. D	10. D	15. C	20. D	25. A	30. B	35. C	40. D

## HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

**Bài nghe 1**

**Hans:** Good morning, Mr. Ford. I'm Hans from class 9A17 at Greensland school.

**Mr. Ford:** Good morning, Hans. How can I help you?

**Hans:** I'd like to improve my English skills because I want to study overseas when I'm 16. Can you give me some advice, Mr. Ford?

**Mr. Ford:** How old are you now?

**Hans:** I'm turning 15 this week.

**Mr. Ford:** Interesting. You know, one common tip is to practice everyday. First, you should focus on building a strong vocabulary.

**Hans:** How can I do that, Mister Ford?

**Mr. Ford:** First, read regularly, Hans. You can read books, magazines, newspapers or online articles. It's important to choose something appropriate for your language level so that you won't lose your interest just before you start.

**Hans:** I understand. What else do I need to do, Mr. Ford?

**Mr. Ford:** Second, you need to work on your English grammar. Most students think grammar is boring because it's all about complicated rules. But it helps you organize your ideas very well, especially when you write.

**Hans:** I got it. And how can I improve my English grammar, Mr. Ford?

**Mr. Ford:** There are several ways. You can read a grammar book or use an online tool to help you understand and use grammar correctly.

**Hans:** It sounds like it'll work well for me, but I'm merely worried about making a mistake when I practice grammar.

**Mr. Ford:** No worries. You'll learn from mistakes, Hans.

**Hans:** I think so, Mr. Ford.

**Tam dich**

Hans: Chào buổi sáng, thầy Ford. Em là Hans, học lớp 9A17, trường Greensland.

Thầy Ford: Chào buổi sáng, Hans. Thầy có thể giúp gì cho em?

Hans: Em muốn cải thiện kỹ năng tiếng Anh của mình vì em muốn đi du học khi em 16 tuổi. Thầy có thể cho em một lời khuyên được không ạ?

Thầy Ford: Bây giờ em bao nhiêu tuổi?

Hans: Tuần này em sẽ tròn 15 tuổi.

Thầy Ford: Thú vị đấy. Em biết không, một mẹo phổ biến là luyện tập hàng ngày. Đầu tiên, em nên tập trung vào việc xây dựng vốn từ vựng vững chắc.

Hans: Làm sao em có thể làm được điều đó, thưa thầy?

Thầy Ford: Đầu tiên, hãy đọc thường xuyên, Hans. Em có thể đọc sách, tạp chí, báo hoặc các bài báo trực tuyến. Điều quan trọng là chọn thứ gì đó phù hợp với trình độ ngôn ngữ của em để không bị mất hứng thú ngay từ đầu.

Hans: Em hiểu rồi. Em còn cần phải làm gì nữa, thưa thầy?

Thầy Ford: Thứ hai, em cần trau dồi ngữ pháp tiếng Anh của mình. Hầu hết học sinh cho rằng ngữ pháp nhàm chán vì nó bao gồm những quy tắc phức tạp. Nhưng nó sẽ giúp em sắp xếp ý tưởng rất tốt, đặc biệt là khi em viết.

Hans: Em hiểu rồi. Và làm cách nào để em có thể cải thiện ngữ pháp tiếng Anh của mình, thưa thầy?

Thầy Ford: Có nhiều cách. Em có thể đọc sách ngữ pháp hoặc sử dụng các công cụ trực tuyến để hiểu và sử dụng ngữ pháp chính xác.

Hans: Có vẻ như cách đó sẽ hiệu quả với em, nhưng em chỉ lo mình mắc lỗi khi luyện tập ngữ pháp.

Thầy Ford: Đừng lo lắng, em sẽ học được từ những sai lầm, Hans.

Hans: Em nghĩ vậy, thưa thầy.

**Phương pháp chung:**

- Đọc câu đề bài và các đáp án để gạch chân các từ khóa quan trọng.
- Nghe đoạn hội thoại và chú ý những đoạn thông tin có chứa từ khóa.
- So sánh thông tin trong bài nghe với nội dung cần tìm dựa vào sự tương quan về nghĩa để chọn đáp án thích hợp nhất.

**1. True**

Hans wants to study abroad when he turns sixteen.

(Hans muốn đi du học khi cậu ấy 16 tuổi.)

**Thông tin:** I'd like to improve my English skills because I want to study overseas when I'm 16.

(Em muốn cải thiện kỹ năng tiếng Anh của mình vì em muốn đi du học khi em 16 tuổi.)

Chọn True

**2. False**

Mr. Ford says that Hans needs to read comics to build a strong vocabulary.

(Thầy Ford nói rằng Hans cần đọc truyện tranh để xây dựng vốn từ vựng vững chắc.)

**Thông tin:** You can read books, magazines, newspapers or online articles.

(Em có thể đọc sách, tạp chí, báo hoặc các bài báo trực tuyến.)

Chọn False

### 3. True

Mr. Ford says that Hans needs to work on grammar because it's helpful.

(Thầy Ford nói rằng Hans cần trau dồi ngữ pháp vì điều đó rất hữu ích.)

**Thông tin:** Second, you need to work on your English grammar... But it helps you organize your ideas very well, especially when you write.

(Thứ hai, em cần trau dồi ngữ pháp tiếng Anh của mình... Nhưng nó giúp em sắp xếp ý tưởng rất tốt, đặc biệt là khi em viết.)

Chọn True

### 4. True

Hans can learn grammar rules and use them correctly with a grammar book.

(Hans có thể học các quy tắc ngữ pháp và sử dụng chúng chính xác với một cuốn sách ngữ pháp.)

**Thông tin:** You can read a grammar book or use an online tool to help you understand and use grammar correctly.

(Em có thể đọc một cuốn sách ngữ pháp hoặc sử dụng các công cụ trực tuyến để giúp em hiểu và sử dụng ngữ pháp chính xác.)

Chọn True

## Bài nghe 2

**Nga:** Hi, Sam. How was your summer holiday?

**Sam:** Hi, Nga. It was amazing. My family and I travelled to Hà Giang, a picturesque mountainous province in the northern part of Vietnam.

**Nga:** Great. How did you get there?

**Sam:** We flew from Ho Chi Minh City to Hanoi in the morning. We then took a car from Noi Bai airport straight to Hà Giang. Well, we had a stop in Tuyên Quang for lunch actually.

**Nga:** Sounds exciting.

**Sam:** Absolutely. The scenery was so beautiful that we couldn't stop taking photos along the way.

**Nga:** I can't wait to hear more. Where did you stay during your trip?

**Sam:** We stayed in a city guesthouse one night and a homestay in an ethnic village the other days. Surprisingly, the homestay was not expensive.

**Nga:** That sounds like a great way to learn about the local culture. How long did you stay in Hà Giang?

**Sam:** Well, we plan to stay for four days. However, we decided to stay longer and ended up having a wonderful week.

**Nga:** Where did you go during your stay?

**Sam:** We visited Đồng Văn Town, Mèo Vạc Market and the scenic Mã Pí Lèng Pass.

**Nga:** That's fantastic. What else did you do there?

**Sam:** Our favorite part of the trip was Đồng Văn Town. It was peaceful and charming. The locals even shared their ethnic languages and culture with us. We even had an adventurous hike along Mã Pí Lèng Pass and experienced a scenic boat ride on the Nho Quế River.

**Nga:** Sam, your trip sounds absolutely fantastic. I'd like to go to Hà Giang someday.

### **Tam dịch**

**Nga:** Chào Sam. Kỳ nghỉ hè của bạn thế nào?

**Sam:** Chào Nga. Nó thật tuyệt vời. Gia đình mình và mình đã đi du lịch đến Hà Giang, một tỉnh miền núi đẹp như tranh ở phía Bắc Việt Nam.

**Nga:** Tuyệt quá. Bạn đã đến đó bằng cách nào?

**Sam:** Mình bay từ Thành phố Hồ Chí Minh ra Hà Nội vào buổi sáng. Sau đó, chúng mình đi ô tô từ sân bay Nội Bài thẳng đến Hà Giang. À, thực ra chúng mình có dừng lại ở Tuyên Quang để ăn trưa.

**Nga:** Nghe có vẻ thú vị đấy.

**Sam:** Chính xác. Cảnh vật đẹp đến mức bọn mình không thể ngừng chụp ảnh trên đường đi.

**Nga:** Mình nóng lòng muốn nghe thêm. Các bạn đã ở đâu trong suốt chuyến đi?

**Sam:** Mình ở một nhà nghỉ ở thành phố một đêm và ở homestay trong một làng dân tộc những ngày còn lại. Thật ngạc nhiên là homestay không đắt chút nào.

**Nga:** Nghe có vẻ là một cách tuyệt vời để tìm hiểu về văn hóa địa phương. Các bạn đã ở Hà Giang bao lâu?

**Sam:** Thực ra, chúng mình dự định ở lại bốn ngày. Tuy nhiên, sau đó chúng mình quyết định ở lâu hơn và cuối cùng đã có một tuần tuyệt vời.

**Nga:** Bạn đã đi đâu trong suốt chuyến đi?

**Sam:** Mình đã thăm Thị trấn Đồng Văn, Chợ Mèo Vạc và Đèo Mã Pí Lèng đẹp tuyệt vời.

**Nga:** Thật tuyệt vời. Các bạn còn làm gì ở đó nữa?

**Sam:** Phần yêu thích nhất trong chuyến đi của chúng mình là Thị trấn Đồng Văn. Nó yên bình và quyến rũ. Người dân địa phương thậm chí đã chia sẻ với chúng mình về ngôn ngữ và văn hóa của họ. Chúng mình còn có một chuyến đi bộ mạo hiểm dọc theo Đèo Mã Pí Lèng và trải nghiệm một chuyến đi thuyền tuyệt đẹp trên sông Nho Quế.

**Nga:** Sam, chuyến đi của bạn thật sự tuyệt vời. Mình muốn đến Hà Giang vào một ngày nào đó.

### **Phương pháp chung:**

- Đọc câu đề bài và các đáp án để gạch chân các từ khóa quan trọng.
- Nghe đoạn hội thoại và chú ý những đoạn thông tin có chứa từ khóa.
- So sánh thông tin trong bài nghe với nội dung cần tìm dựa vào sự tương quan về nghĩa để chọn đáp thích hợp nhất.

### **5. D**

How did Sam get to his vacation destination?

(Sam đã đến được điểm đến trong kỳ nghỉ của mình bằng cách nào?)

A. by plane

(bằng máy bay)

B. by car

(bằng ô tô)

C. by boat

(bằng thuyền)

D. by plane and car

(bằng máy bay và ô tô)

**Thông tin:** We flew from Ho Chi Minh City to Hanoi in the morning. We then took a car from Noi Bai airport straight to Hà Giang.

(Chúng tôi bay từ Thành phố Hồ Chí Minh đến Hà Nội vào buổi sáng. Sau đó chúng tôi bắt xe từ sân bay Nội Bài thẳng về Hà Giang.)

Chọn D

### 6. C

Where did Sam stop on his way before heading to his holiday destination?

(Sam đã dừng lại ở đâu trên đường trước khi đến điểm đến trong kỳ nghỉ của mình?)

A. Ho Chi Minh City

B. Hà Nội

C. Tuyên Quang

D. Hà Giang

**Thông tin:** Well, we had a stop in Tuyên Quang for lunch actually.

(À, thực ra chúng tôi đã dừng lại ở Tuyên Quang để ăn trưa.)

Chọn C

### 7. A

Which place did Sam stay for one night?

(Sam đã ở đâu một đêm?)

A. a guesthouse

(nhà khách)

B. a homestay

(nhà trọ)

C. a hotel

(khách sạn)

D. a camping site

(địa điểm cắm trại)

**Thông tin:** We stayed in a city guesthouse one night and a homestay in an ethnic village the other days.

(Chúng tôi ở trong một nhà khách trong thành phố một đêm và ở nhà dân ở một làng dân tộc vào những ngày khác.)

Chọn A

### 8. D

How long did Sam stay in Hà Giang?

(Sam ở Hà Giang bao lâu?)

A. one day

(một ngày)

B. three days

(ba ngày)

C. four days

(bốn ngày)

D. seven days

(bảy ngày)

**Thông tin:** Well, we plan to stay for four days. However, we decided to stay longer and ended up having a wonderful week.

(À, chúng tôi dự định ở lại bốn ngày. Tuy nhiên, chúng tôi quyết định ở lại lâu hơn và kết thúc bằng một tuần tuyệt vời.)

Chọn D

### 9. A

#### Phương pháp:

- Dựa vào động từ “go” và các giới từ phù hợp để chọn đáp án đúng.
- Dịch nghĩa câu đề bài để hiểu được ngữ cảnh của câu.
- Dịch nghĩa các đáp án và lần lượt điền các đáp án vào chỗ trống để chọn được đáp án phù hợp nhất tạo thành câu có nghĩa.

**Emma has a habit of going \_\_\_\_\_ her notes before an exam.**

(Emma có thói quen \_\_\_\_\_ ghi chú của cô ấy trước kỳ thi.)

#### Lời giải chi tiết:

A. go + over (phr.v): xem lại

B. go + up (phr.v): tăng

C. go + down (phr.v): giảm

D. go + across (phr.v): băng qua

Câu hoàn chỉnh: Emma has a habit of going **over** her notes before an exam.

(Emma có thói quen xem lại ghi chú của mình trước kỳ thi.)

Chọn A

**10. D****Phương pháp:**

- Dịch nghĩa câu đề bài để hiểu được ngữ cảnh của câu.
- Dịch nghĩa các đáp án và lần lượt điền các đáp án vào chỗ trống để chọn được đáp án phù hợp nhất tạo thành câu có nghĩa.

**Since English can open a lot of job \_\_\_\_\_, you need to be good at it.**

(*Vì tiếng Anh có thể mở ra rất nhiều \_\_\_\_\_ việc làm nên bạn cần phải giỏi nó.*)

**Lời giải chi tiết:**

- A. careers (n): sự nghiệp
- B. centers (n): trung tâm
- C. descriptions (n): mô tả
- D. opportunities (n): cơ hội

Câu hoàn chỉnh: Since English can open a lot of job **opportunities**, you need to be good at it.

(*Vì tiếng Anh có thể mở ra rất nhiều cơ hội việc làm nên bạn cần phải giỏi nó.*)

Chọn D

**11. C****Phương pháp:**

- Dựa vào dấu hiệu thời gian “the next day”, động từ tường thuật “said” và cấu trúc câu tường thuật dạng kể để chọn đáp án đúng.
- Dịch nghĩa các đáp án và lần lượt điền các đáp án vào chỗ trống để chọn được đáp án phù hợp nhất tạo thành câu có nghĩa.

**Lucy said that she \_\_\_\_\_ the roller coaster the next day.**

(*Lucy nói rằng cô ấy \_\_\_\_\_ tàu lượn siêu tốc vào ngày hôm sau.*)

**Lời giải chi tiết:**

Cấu trúc câu tường thuật dạng kể với động từ “said” và có dấu hiệu thời gian trong tương lai “the next day”

(*ngày tiếp theo*): S + said + that + S + would + Vo (nguyên thể) + the next day.

Câu hoàn chỉnh: Lucy said that she **would try** the roller coaster the next day.

(*Lucy nói rằng cô ấy sẽ thử tàu lượn siêu tốc vào ngày hôm sau.*)

Chọn C

**12. B****Phương pháp:**

- Dịch nghĩa câu đề bài để hiểu được ngữ cảnh của câu.
- Dịch nghĩa các đáp án và lần lượt điền các đáp án vào chỗ trống để chọn được đáp án phù hợp nhất tạo thành câu có nghĩa.

**People can easily \_\_\_\_\_ the Northern Lights in Norway, Greenland, and Iceland.**

(Mọi người có thể dễ dàng \_\_\_\_\_ Bắc Cực Quang ở Na Uy, Greenland và Iceland.)

**Lời giải chi tiết:**

- A. make (v): làm
- B. see (v): nhìn thấy
- C. hit (v): đập
- D. occur (v): xảy ra

Câu hoàn chỉnh: People can easily **see** the Northern Lights in Norway, Greenland, and Iceland.

(Mọi người có thể dễ dàng nhìn thấy Cực quang ở Na Uy, Greenland và Iceland.)

Chọn B

**13. A**

**Phương pháp:**

- Dựa vào danh từ “natural wonders”, động từ “captivate” và cách dùng của các đại từ quan hệ để chọn đáp án đúng
- Dịch nghĩa câu đề bài để hiểu được ngữ cảnh của câu.
- Dịch nghĩa các đáp án và lần lượt điền các đáp án vào chỗ trống để chọn được đáp án phù hợp nhất tạo thành câu có nghĩa.

**Vietnam is a treasure trove of breathtaking natural wonders (13) \_\_\_\_\_ captivate travelers from around the globe.**

(Việt Nam là một kho tàng các kỳ quan thiên nhiên ngoạn mục (13) \_\_\_\_\_ thu hút du khách từ khắp nơi trên thế giới.)

**Lời giải chi tiết:**

- A. which: *cái mà* => thay thế cho danh từ chỉ vật làm chủ ngữ.
- B. who: *người mà* => thay thế cho danh từ chỉ người => loại
- C. where: *nơi mà* => thay thế cho nơi chốn và không được làm chủ ngữ và không đứng trước động từ => loại
- D. when: *nơi mà* => thay thế cho thời gian và không được làm chủ ngữ và không đứng trước động từ => loại

Câu hoàn chỉnh: Vietnam is a treasure trove of breathtaking natural wonders **which** captivate travelers from around the globe.

(Việt Nam là một kho tàng các kỳ quan thiên nhiên ngoạn mục cái mà thu hút du khách từ khắp nơi trên thế giới.)

Chọn A

**14. B**

**Phương pháp:**

- Dịch nghĩa câu đề bài để hiểu được ngữ cảnh của câu.



- Dịch nghĩa các đáp án và lần lượt điền các đáp án vào chỗ trống để chọn được đáp án phù hợp nhất tạo thành câu có nghĩa.

**From the majestic limestone karsts of Ha Long Bay, a UNESCO World Heritage Site, to the awe-inspiring (14) \_\_\_\_\_ of Phong Nha-Ke Bang National Park, the country boasts unparalleled beauty.**

*(Từ những núi đá vôi hùng vĩ của Vịnh Hạ Long, Di sản Thế giới được UNESCO công nhận, đến (14) \_\_\_\_\_ đầy cảm hứng của Vườn Quốc gia Phong Nha-Kẻ Bàng, đất nước này tự hào có vẻ đẹp vô song.)*

**Lời giải chi tiết:**

A. rivers (n): dòng sông

B. caves (n): hang

C. waterfalls (n): thác nước

D. streams (n): dòng chảy

Câu hoàn chỉnh: From the majestic limestone karsts of Ha Long Bay, a UNESCO World Heritage Site, to the awe-inspiring **caves** of Phong Nha-Ke Bang National Park, the country boasts unparalleled beauty.

*(Từ những núi đá vôi hùng vĩ của Vịnh Hạ Long, Di sản Thế giới được UNESCO công nhận, đến những hang động đầy cảm hứng của Vườn Quốc gia Phong Nha-Kẻ Bàng, đất nước này tự hào có vẻ đẹp vô song.)*

Chọn B

**15. C**

**Phương pháp:**

- Dịch nghĩa câu đề bài để hiểu được ngữ cảnh của câu.

- Dịch nghĩa các đáp án và lần lượt điền các đáp án vào chỗ trống để chọn được đáp án phù hợp nhất tạo thành câu có nghĩa.

**Don't (15) \_\_\_\_\_ the terraced rice fields of Sapa, the emerald waters of Ninh Binh, and the enchanting sand dunes of Mui Ne.**

*(Đừng (15) \_\_\_\_\_ những cánh đồng ruộng bậc thang của Sapa, vùng nước ngọc lục bảo của Ninh Bình và những cồn cát mê hoặc của Mũi Né.)*

**Lời giải chi tiết:**

A. forget (v): quên

B. catch (v): bắt

C. miss (v): bỏ lỡ

D. meet (v): gặp

Câu hoàn chỉnh: Don't **miss** the terraced rice fields of Sapa, the emerald waters of Ninh Binh, and the enchanting sand dunes of Mui Ne.

*(Đừng bỏ lỡ những cánh đồng ruộng bậc thang của Sapa, vùng nước ngọc lục bảo của Ninh Bình và những cồn cát mê hoặc của Mũi Né.)*

Chọn C

**16. D**

**Phương pháp:**

- Dịch nghĩa câu đề bài để hiểu được ngữ cảnh của câu.

- Dịch nghĩa các đáp án và lần lượt điền các đáp án vào chỗ trống để chọn được đáp án phù hợp nhất tạo thành câu có nghĩa.

**(16) \_\_\_\_\_ you're seeking adventure, serenity, or unforgettable views, Vietnam's natural wonders promise an experience of a lifetime.**

*((16) \_\_\_\_\_ bạn đang tìm kiếm sự phiêu lưu, sự thanh thản hoặc những khung cảnh khó quên, những kỳ quan thiên nhiên của Việt Nam hứa hẹn mang lại trải nghiệm khó quên trong đời.)*

**Lời giải chi tiết:**

A. Both...and: cả hai

B. Neither...nor: cả hai đều không

C. Not only...but also: không chỉ...mà còn

D. Whether...or: cho dù...hoặc

Câu hoàn chỉnh: **Whether** you're seeking adventure, serenity, or unforgettable views, Vietnam's natural wonders promise an experience of a lifetime.

*(Cho dù bạn đang tìm kiếm sự phiêu lưu, sự thanh thản hoặc những khung cảnh khó quên, kỳ quan thiên nhiên của Việt Nam hứa hẹn mang đến trải nghiệm khó quên trong đời.)*

Chọn D

**Bài hoàn chỉnh**

Discover the Natural Wonders of Vietnam!

Vietnam is a treasure trove of breathtaking natural wonders (13) **which** captivate travelers from around the globe. From the majestic limestone karsts of Ha Long Bay, a UNESCO World Heritage Site, to the awe-inspiring (14) **caves** of Phong Nha-Ke Bang National Park, the country boasts unparalleled beauty. Don't (15) **miss** the terraced rice fields of Sapa, the emerald waters of Ninh Binh, and the enchanting sand dunes of Mui Ne. Each destination showcases Vietnam's rich biodiversity and stunning landscapes. (16) **Whether** you're seeking adventure, serenity, or unforgettable views, Vietnam's natural wonders promise an experience of a lifetime. Plan your journey today!

**Tạm dịch**

*Khám Phá Những Kỳ Quan Thiên Nhiên Của Việt Nam!*

*Việt Nam là một kho tàng những kỳ quan thiên nhiên tuyệt đẹp, (13) cái mà thu hút du khách từ khắp nơi trên thế giới. Từ những dãy núi đá vôi hùng vĩ của Vịnh Hạ Long, một Di sản Thế giới của UNESCO, đến những (14) hang động ngoạn mục của Vườn Quốc gia Phong Nha-Kẻ Bàng, đất nước này tự hào với vẻ đẹp vô song. Đừng (15) bỏ lỡ những cánh đồng ruộng bậc thang ở Sapa, làn nước xanh ngọc của Ninh Bình, và những cồn cát quyến rũ ở Mũi Né. Mỗi điểm đến đều là minh chứng cho sự đa dạng sinh học phong phú và cảnh quan*

tuyệt đẹp của Việt Nam. (16) Cho dù bạn tìm kiếm cuộc phiêu lưu, sự bình yên, hay những cảnh đẹp khó quên, những kỳ quan thiên nhiên của Việt Nam sẽ mang đến một trải nghiệm suốt đời. Hãy lên kế hoạch cho hành trình của bạn ngay hôm nay!

### 17. A

#### Phương pháp:

- Dịch nghĩa câu đề bài để hiểu được ngữ cảnh của câu.
- Dịch nghĩa các đáp án và lần lượt điền các đáp án vào chỗ trống để chọn được đáp án phù hợp nhất tạo thành câu có nghĩa.

**Today, I want to tell you how to (17) \_\_\_\_\_ a holiday abroad to an amazing destination.**

(Hôm nay, tôi muốn cho bạn biết làm thế nào để (17) \_\_\_\_\_ một kỳ nghỉ ở nước ngoài đến một địa điểm tuyệt vời.)

#### Lời giải chi tiết:

- A. plan (v): lên kế hoạch
- B. make (v): làm
- C. book (v): đặt
- D. take (v): lấy

Câu hoàn chỉnh: Today, I want to tell you how to **plan** a holiday abroad to an amazing destination.

(Hôm nay, tôi muốn cho bạn biết làm thế nào để lên kế hoạch một kỳ nghỉ ở nước ngoài đến một địa điểm tuyệt vời.)

Chọn A

### 18. B

#### Phương pháp:

- Dịch nghĩa câu đề bài để hiểu được ngữ cảnh của câu.
- Dịch nghĩa các đáp án và lần lượt điền các đáp án vào chỗ trống để chọn được đáp án phù hợp nhất tạo thành câu có nghĩa.

**You can book your flight online, find suitable accommodation to stay in, and even (18) \_\_\_\_\_ information about guided tours to local places of interest.**

(Bạn có thể đặt chuyến bay trực tuyến, tìm chỗ ở phù hợp để ở, và thậm chí (18) \_\_\_\_\_ thông tin về các chuyến tham quan có hướng dẫn đến các địa điểm yêu thích ở địa phương.)

#### Lời giải chi tiết:

- A. look into (phr.v): xem xét, điều tra
- B. find out (phr.v): tìm hiểu
- C. take care (phr.v): chăm sóc
- D. pick up (phr.v): đón, nhặt

Câu hoàn chỉnh: You can book your flight online, find suitable accommodation to stay in, and even **find out** information about guided tours to local places of interest.

(Bạn có thể đặt chuyến bay trực tuyến, tìm chỗ ở phù hợp để ở và thậm chí tìm hiểu thông tin về các chuyến tham quan có hướng dẫn đến các địa điểm yêu thích ở địa phương.)

Chọn B

### 19. C

#### Phương pháp:

- Dịch nghĩa câu đề bài để hiểu được ngữ cảnh của câu.
- Dịch nghĩa các đáp án và lần lượt điền các đáp án vào chỗ trống để chọn được đáp án phù hợp nhất tạo thành câu có nghĩa.

**If you think that sounds complicated, why not search for a package holiday (19) \_\_\_\_\_?**

(Nếu bạn nghĩ điều đó nghe có vẻ phức tạp, tại sao không tìm kiếm một kỳ nghỉ trọn gói (19) \_\_\_\_\_?)

#### Lời giải chi tiết:

- A. indeed: thực sự
- B. in fact: thực tế là
- C. instead: thay vào đó
- D. though: mặc dù

Câu hoàn chỉnh: If you think that sounds complicated, why not search for a package holiday **instead**?

(Nếu bạn nghĩ điều đó nghe có vẻ phức tạp, tại sao không tìm kiếm một kỳ nghỉ trọn gói thay vào đó?)

Chọn C

### 20. D

#### Phương pháp:

- Dịch nghĩa câu đề bài để hiểu được ngữ cảnh của câu.
- Dịch nghĩa các đáp án và lần lượt điền các đáp án vào chỗ trống để chọn được đáp án phù hợp nhất tạo thành câu có nghĩa.

**You can stay at a hotel with lots of facilities and all your meals (20) \_\_\_\_\_ in the price.**

(Bạn có thể ở tại một khách sạn có nhiều tiện nghi và tất cả các bữa ăn của bạn (20) \_\_\_\_\_ trong giá cả.)

#### Lời giải chi tiết:

- A. include (v): bao gồm => thiếu dạng bị động => loại
- B. are including: đang bao gồm => sai dạng động từ thì hiện tại tiếp diễn và thiếu dạng bị động => loại
- C. have included: đã bao gồm => sai dạng động từ thì hiện tại tiếp diễn và thiếu dạng bị động => loại
- D. are included: được bao gồm => động từ thì hiện tại đơn dạng bị động

Câu hoàn chỉnh: You can stay at a hotel with lots of facilities and all your meals **are included** in the price.

(Bạn có thể ở tại một khách sạn có nhiều tiện nghi và tất cả các bữa ăn của bạn đều được bao gồm trong giá cả.)

Chọn D

### Bài hoàn chỉnh

#### Tiffany's Travel Tips

Hello, readers! Today, I want to tell you how to (17) **plan** a holiday abroad to an amazing destination. These days, you don't need to talk to a(n) travel agent. You can book your flight online, find suitable accommodation to stay in, and even (18) **find out** information about guided tours to local places of interest. If you think that sounds complicated, why not search for a package holiday (19) **instead**? You can stay at a hotel with lots of facilities and all your meals (20) **are included** in the price. Do you have other travel tips? Leave them in the comments below!

### Tam dịch

#### Những Mẹo Đi Du Lịch của Tiffany

Chào các bạn độc giả! Hôm nay, tôi muốn chia sẻ với các bạn cách để (17) lên kế hoạch cho một kỳ nghỉ nước ngoài đến một điểm đến tuyệt vời. Ngày nay, bạn không cần phải nói chuyện với một đại lý du lịch. Bạn có thể đặt chuyến bay trực tuyến, tìm chỗ ở phù hợp để nghỉ ngơi, và thậm chí (18) tìm hiểu thông tin về các tour du lịch có hướng dẫn đến các địa điểm tham quan nổi tiếng. Nếu bạn nghĩ rằng điều đó có vẻ phức tạp, tại sao không thử tìm kiếm một kỳ nghỉ trọn gói (19) thay vào đó? Bạn có thể ở trong một khách sạn với nhiều tiện nghi và tất cả các bữa ăn sẽ (20) được bao gồm trong giá cả. Bạn có những mẹo du lịch khác không? Hãy để lại chúng trong phần bình luận dưới đây!

### 21. C

#### Phương pháp:

- Dịch nghĩa câu đề bài để hiểu được ngữ cảnh của câu.
- Dịch nghĩa các đáp án và lần lượt điền các đáp án vào chỗ trống để chọn được đáp án phù hợp nhất tạo thành câu có nghĩa.

**Learning English can be difficult, but there are numerous fun ways (21) \_\_\_\_\_ your skills.**

(Học tiếng Anh có thể khó khăn, nhưng có rất nhiều cách thú vị (21) \_\_\_\_\_ kỹ năng của bạn.)

#### Lời giải chi tiết:

Động từ chỉ mục đích “để” có dạng TO V<sub>o</sub> (nguyên thể).

improve (v): cải thiện

Câu hoàn chỉnh: Learning English can be difficult, but there are numerous fun ways **to improve** your skills.

(Học tiếng Anh có thể khó khăn nhưng có rất nhiều cách thú vị để cải thiện kỹ năng của bạn.)

Chọn C

### 22. A

#### Phương pháp:

- Dựa vào động từ “look” và các giới từ phù hợp để chọn đáp án đúng.
- Dịch nghĩa câu đề bài để hiểu được ngữ cảnh của câu.

- Dịch nghĩa các đáp án và lần lượt điền các đáp án vào chỗ trống để chọn được đáp án phù hợp nhất tạo thành câu có nghĩa.

**These dictionaries make it easier to look (22) \_\_\_\_\_ unknown words quickly.**

(Những từ điển này giúp bạn dễ dàng (22) \_\_\_\_\_ những từ chưa biết một cách nhanh chóng.)

**Lời giải chi tiết:**

A. look + up (phr.v): tra cứu

B. look + in (phr.v): nhìn vào

C. look + on (phr.v): quan sát

D. look + down (phr.v): nhìn xuống, xem thường

Câu hoàn chỉnh: These dictionaries make it easier to look **up** unknown words quickly.

(Những từ điển này giúp bạn dễ dàng tra cứu những từ chưa biết một cách nhanh chóng.)

Chọn A

**23. A**

**Phương pháp:**

- Dựa vào danh từ đếm được số ít “resource” và cách dùng của các đại từ để chọn đáp án đúng.

- Dịch nghĩa câu đề bài để hiểu được ngữ cảnh của câu.

- Dịch nghĩa các đáp án và lần lượt điền các đáp án vào chỗ trống để chọn được đáp án phù hợp nhất tạo thành câu có nghĩa.

**Language exchange groups are (23) \_\_\_\_\_ useful resource for English learners.**

(Các nhóm trao đổi ngôn ngữ là (23) \_\_\_\_\_ nguồn tài nguyên hữu ích cho người học tiếng Anh.)

**Lời giải chi tiết:**

A. another + danh từ đếm được số ít: *một cái khác*

B. other + danh từ đếm được số nhiều hoặc danh từ không đếm được => loại

C. others: làm chủ ngữ hoặc tân ngữ, không đứng trước danh từ => loại

D. the others: làm chủ ngữ hoặc tân ngữ, không đứng trước danh từ => loại

Câu hoàn chỉnh: Language exchange groups are **another** useful resource for English learners.

(Các nhóm trao đổi ngôn ngữ là một nguồn tài nguyên hữu ích khác cho người học tiếng Anh.)

Chọn A

**24. C**

**Phương pháp:**

- Dựa vào cách dùng mạo từ và cụm từ “same time” để chọn đáp án đúng.

- Dịch nghĩa các đáp án và lần lượt điền các đáp án vào chỗ trống để chọn được đáp án phù hợp nhất tạo thành câu có nghĩa.

**It's a good idea that you can improve your language skills and help others achieve their goals at (24) \_\_\_\_\_ same time.**

(Đó là một ý tưởng hay khi bạn có thể cải thiện kỹ năng ngôn ngữ của mình và giúp người khác đạt được mục tiêu của họ tại (24) \_\_\_\_\_ cùng một lúc.)

**Lời giải chi tiết:**

Cụm từ “at the same time”: cùng một lúc

Câu hoàn chỉnh: It's a good idea that you can improve your language skills and help others achieve their goals at **the** same time.

(Đó là một ý tưởng hay khi bạn có thể cải thiện kỹ năng ngôn ngữ của mình và giúp người khác đạt được mục tiêu của họ tại cùng một lúc.)

Chọn C

**25. A**

**Phương pháp:**

- Dịch nghĩa câu đề bài để hiểu được ngữ cảnh của câu.
- Dịch nghĩa các đáp án và lần lượt điền các đáp án vào chỗ trống để chọn được đáp án phù hợp nhất tạo thành câu có nghĩa.

**Finally, activities such as watching English movies and TV shows with (25) \_\_\_\_\_, playing word games or quizzes and taking part in language challenges can make learning more enjoyable.**

(Cuối cùng, các hoạt động như xem phim và chương trình truyền hình tiếng Anh với (25) \_\_\_\_\_, chơi trò chơi chữ hoặc câu đố và tham gia các thử thách ngôn ngữ có thể khiến việc học trở nên thú vị hơn.)

**Lời giải chi tiết:**

- A. subtitles (n): phụ đề
- B. titles (n): tiêu đề
- C. lyrics (n): lời bài hát
- D. headlines (n): tiêu đề

Câu hoàn chỉnh: Finally, activities such as watching English movies and TV shows with **subtitles**, playing word games or quizzes and taking part in language challenges can make learning more enjoyable.

(Cuối cùng, các hoạt động như xem phim và chương trình truyền hình tiếng Anh với phụ đề, chơi trò chơi chữ hoặc câu đố và tham gia các thử thách ngôn ngữ có thể khiến việc học trở nên thú vị hơn.)

Chọn A

**26. A**

**Phương pháp:**

- Dịch nghĩa câu đề bài để hiểu được ngữ cảnh của câu.
- Dịch nghĩa các đáp án và lần lượt điền các đáp án vào chỗ trống để chọn được đáp án phù hợp nhất tạo thành câu có nghĩa.

**For that reason, it's important to (26) \_\_\_\_\_ goals you can reach and practice often.**

(Vì lý do đó, điều quan trọng là phải (26) \_\_\_\_\_ mục tiêu mà bạn có thể đạt được và thực hành thường xuyên.)

**Lời giải chi tiết:**

- A. set (v): đặt ra
- B. make (v): làm
- C. put (v): đặt, để
- D. meet (v): gặp

Cụm từ “set goals”: đặt mục tiêu

Câu hoàn chỉnh: For that reason, it's important to **set** goals you can reach and practice often.

(Vì lý do đó, điều quan trọng là phải đặt ra những mục tiêu bạn có thể đạt được và thực hành thường xuyên.)

Chọn A

**Bài hoàn chỉnh**

Learning English can be difficult, but there are numerous fun ways (21) **to improve** your skills. Online dictionaries are useful tools for language learners. These dictionaries make it easier to look (22) **up** unknown words quickly. Using an online dictionary while reading a book, listening to a podcast or watching a movie can make learning easier. Language exchange groups are (23) **another** useful resource for English learners.

These groups can connect you with native English speakers who are also learning your language. It's a good idea that you can improve your language skills and help others achieve their goals at (24) **the** same time. Finally, activities such as watching English movies and TV shows with (25) **subtitles**, playing word games or quizzes and taking part in language challenges can make learning more enjoyable.

Overall, learning English can take a lot of time and effort. For that reason, it's important to (26) **set** goals you can reach and practice often.

**Tam dịch**

Học tiếng Anh có thể khó khăn, nhưng có rất nhiều cách thú vị (21) để cải thiện kỹ năng của bạn. Từ điển trực tuyến là công cụ hữu ích cho người học ngôn ngữ. Những từ điển này giúp bạn dễ dàng (22) tra cứu những từ chưa biết một cách nhanh chóng. Sử dụng từ điển trực tuyến trong khi đọc sách, nghe podcast hoặc xem phim có thể giúp việc học dễ dàng hơn. Các nhóm trao đổi ngôn ngữ là (23) một nguồn tài nguyên hữu ích khác dành cho người học tiếng Anh.

Những nhóm này có thể kết nối bạn với những người nói tiếng Anh bản xứ cũng đang học ngôn ngữ của bạn. Đó là một ý tưởng hay rằng bạn có thể cải thiện kỹ năng ngôn ngữ của mình và giúp đỡ người khác đạt được mục tiêu của họ tại (24) cùng một lúc. Cuối cùng, các hoạt động như xem phim và chương trình truyền hình tiếng Anh có (25) phụ đề, chơi trò chơi chữ hoặc câu đố và tham gia các thử thách ngôn ngữ có thể khiến việc học trở nên thú vị hơn.



Nhìn chung, việc học tiếng Anh có thể mất rất nhiều thời gian và công sức. Vì lý do đó, điều quan trọng là (26) đặt ra các mục tiêu bạn có thể đạt được và thực hành thường xuyên.

### **Bài đọc hiểu 27-32:**

Thanh's Blog

Last Tet holiday, my family and I had a great time in Sapa, a mountain town in Lao Cai, in the northwestern region of Việt Nam. We arrived in Sapa early the next morning after taking a night train from Hà Nội.

Sapa is famous for its natural beauty, with rice terraces, mountains, and the diverse customs and traditions of various ethnic groups. This makes it an ideal place for hiking, trekking, and sightseeing. There are many wonderful places to visit in Sapa. We went to Hàm Rồng Mountain and enjoyed the amazing views of Sapa and the surrounding area. Sapa Stone Church was another impressive and peaceful attraction. Mount Fansipan, Vietnam's highest peak and often referred to as the "Roof of Indochina," is also a must-see. We made it to the top and took some **stunning** photos. The most exciting part of the trip was visiting some ethnic villages like Cát Cát Village and Ta Van Village, where we learned about their culture and way of life by talking to the local people.

On this trip, we also had the opportunity to attend the Gầu Tào Festival, an annual event held on the third day of the Lunar New Year. **It** is a festival in which people of various ethnic groups honour their ancestors and pray for good luck. We saw people dressed in traditional clothing, singing, dancing, enjoying traditional foods like rice cakes, grilled meat, or steamed fish and taking part in buffalo fighting and horse racing.

This trip brought us beautiful memories of the Sapa people and landscapes. We returned with a fantastic photo album that reminded us of a wonderful holiday.

### **Tạm dịch**

*Blog của Thanh*

*Kỳ nghỉ Tết vừa qua, gia đình tôi và tôi đã có một thời gian tuyệt vời ở Sapa, một thị trấn miền núi thuộc tỉnh Lào Cai, khu vực Tây Bắc Việt Nam. Chúng tôi đến Sapa vào sáng sớm hôm sau sau khi đi tàu đêm từ Hà Nội. Sapa nổi tiếng với vẻ đẹp thiên nhiên, với những cánh đồng lúa bậc thang, núi non và những phong tục, truyền thống đa dạng của các dân tộc. Điều này làm cho Sapa trở thành một điểm đến lý tưởng cho các hoạt động leo núi, đi bộ đường dài và tham quan.*

*Có rất nhiều địa điểm tuyệt vời để thăm ở Sapa. Chúng tôi đã đến núi Hàm Rồng và thưởng thức cảnh quan tuyệt đẹp của Sapa và khu vực xung quanh. Nhà thờ đá Sapa là một điểm tham quan ấn tượng và yên bình khác. Núi Fansipan, đỉnh cao nhất của Việt Nam và thường được gọi là "Nóc nhà Đông Dương," cũng là một điểm đến không thể bỏ qua. Chúng tôi đã lên đến đỉnh và chụp được những bức ảnh tuyệt vời. Phần thú vị nhất của chuyến đi là thăm một số làng dân tộc như làng Cát Cát và làng Tả Van, nơi chúng tôi tìm hiểu về văn hóa và cách sống của họ qua việc trò chuyện với người dân địa phương.*

*Trong chuyến đi này, chúng tôi cũng có cơ hội tham gia Lễ hội Gầu Tào, một sự kiện hàng năm diễn ra vào ngày thứ ba của Tết Nguyên Đán. Đây là lễ hội mà người dân các dân tộc khác nhau tôn vinh tổ tiên và cầu*

may mắn. Chúng tôi thấy mọi người mặc trang phục truyền thống, hát, múa, thưởng thức các món ăn truyền thống như bánh chưng, thịt nướng, cá hấp và tham gia các trò chơi như đánh trâu và đua ngựa.

Chuyến đi này đã mang lại cho chúng tôi những kỷ niệm đẹp về con người và cảnh quan Sapa. Chúng tôi đã trở về với một cuốn album ảnh tuyệt vời, nhắc nhở chúng tôi về một kỳ nghỉ tuyệt vời.

### **Phương pháp chung:**

- Đọc câu đề bài và các đáp án để gạch chân các từ khóa quan trọng.
- Đọc lướt qua các đoạn văn và dừng lại ở đoạn thông tin có chứa từ khóa.
- So sánh thông tin trong bài đọc với nội dung cần tìm dựa vào sự tương quan về nghĩa và ngữ pháp để chọn đáp thích hợp nhất.

### **27. A**

How long did it take Thanh's family to travel by train from Ha Nội to Sapa?

(Gia đình Thanh đi tàu từ Hà Nội đến Sapa mất bao lâu?)

A. one night

(một đêm)

B. one day

(một ngày)

C. one morning

(một buổi sáng)

D. one afternoon

(một buổi trưa)

**Thông tin:** We arrived in Sapa early the next morning after taking a night train from Ha Nội.

(Chúng tôi đến Sapa vào sáng sớm hôm sau sau khi bắt chuyến tàu đêm từ Hà Nội.)

Chọn A

### **28. D**

What feature of Sapa is NOT mentioned in the text?

(Đặc điểm nào của Sapa KHÔNG được đề cập trong văn bản?)

A. its natural beauty => đúng

(vẻ đẹp tự nhiên của nó)

B. its diverse customs => đúng

(phong tục đa dạng)

C. its various traditions => đúng

(truyền thống khác nhau của nó)

D. its popular trekking trails => không có thông tin đề cập

(những con đường đi bộ đường dài nổi tiếng của nó)

**Thông tin:** Sapa is famous for its natural beauty, with rice terraces, mountains, and the diverse customs and traditions of various ethnic groups. This makes it an ideal place for hiking, trekking, and sightseeing.

(Sapa nổi tiếng với vẻ đẹp tự nhiên, với ruộng bậc thang, núi non và những phong tục tập quán đa dạng của các dân tộc khác nhau. Điều này khiến nơi đây trở thành địa điểm lý tưởng để đi bộ đường dài, leo núi và tham quan.)

Chọn D

### 29. D

Which word has the CLOSEST meaning to the word **stunning** in paragraph 3?

(Từ nào có nghĩa GẦN NHẤT với từ “stunning” ở đoạn 3?)

A. ordinary

(bình thường)

B. relaxed

(thư giãn)

C. exciting

(thú vị)

D. breathtaking

(ngoạn mục)

**Thông tin:** We made it to the top and took some **stunning** photos.

(Chúng tôi đã lên đến đỉnh và chụp được một số bức ảnh tuyệt đẹp.)

Chọn D

### 30. B

What does the word **It** in paragraph 3 refer to?

(Từ “It” ở đoạn 3 đề cập đến điều gì?)

A. The Sapa trip

(Chuyến đi Sapa)

B. Gầu Tào Festival

(Lễ hội Gầu Tào)

C. The Lunar New Year

(Tết Nguyên đán)

D. Sapa Stone Church

(Nhà Thờ Đá Sapa)

**Thông tin:** On this trip, we also had the opportunity to attend the Gầu Tào Festival, an annual event held on the third day of the Lunar New Year. **It** is a festival in which people of various ethnic groups honour their ancestors and pray for good luck.

(Trong chuyến đi này, chúng tôi còn có cơ hội được tham dự Lễ hội Gầu Tào, một sự kiện thường niên được tổ chức vào ngày mùng 3 Tết Nguyên đán. Nó là một lễ hội trong đó người dân thuộc nhiều dân tộc khác nhau tôn vinh tổ tiên của họ và cầu nguyện những điều may mắn.)

Chọn B

**31. C**

In which paragraph does the writer mention interesting places to visit in Sapa?

(Đoạn văn nào tác giả đề cập đến những địa điểm tham quan thú vị ở Sapa?)

A. Paragraph 1

(Đoạn 1)

B. Paragraph 2

(Đoạn 2)

C. Paragraph 3

(Đoạn 3)

D. Paragraph 4

(Đoạn 4)

**Thông tin:** There are many wonderful places to visit in Sapa...

(Có rất nhiều địa điểm tuyệt vời để tham quan ở Sapa...)

Chọn C

**32. C**

The blog is mainly about \_\_\_\_\_.

(Blog chủ yếu nói về \_\_\_\_\_.)

A. Tet holiday in Sapa of the writer and his family

(Tết ở Sapa của tác giả và gia đình)

B. Beautiful nature in Sapa

(Thiên nhiên tươi đẹp ở Sapa)

C. Unforgettable memories with Sapa

(Những kỷ niệm khó quên với Sapa)

D. Thanh's trip to Sapa with his friends

(Chuyến đi Sapa của Thanh cùng bạn bè)

Chọn C

**33. A**

**Phương pháp:**

- Dịch nghĩa các câu đề bài từ a-c để hiểu được nghĩa của từng câu.

- Lần lượt sắp xếp trật tự các câu a-c để tạo thành một đoạn hội thoại hợp lý và có nghĩa.

\*Nghĩa của các câu

a. Lynn: Are there any English classes that I can sign up for in the area?

(Có lớp học tiếng Anh nào mà tôi có thể đăng ký ở khu vực này không?)

b. Lynn: I want to study at a university in the UK, so I need to improve my English. What should I do?

(Tôi muốn học tại một trường đại học ở Anh nên tôi cần cải thiện tiếng Anh của mình. Tôi nên làm gì?)

c. Keith: That's great news! You should sign up for an English class.

(Đó là tin tuyệt vời! Bạn nên đăng ký một lớp học tiếng Anh.)

### **Bài hoàn chỉnh**

(b) Lynn: I want to study at a university in the UK, so I need to improve my English. What should I do?

(c) Keith: That's great news! You should sign up for an English class.

(a) Lynn: Are there any English classes that I can sign up for in the area?

### **Tạm dịch**

(b) Lynn: Tôi muốn học tại một trường đại học ở Anh, vì vậy tôi cần cải thiện tiếng Anh của mình. Tôi nên làm gì?

(c) Keith: Đó là một tin tuyệt vời! Bạn nên đăng ký một lớp học tiếng Anh.

(a) Lynn: Có lớp học tiếng Anh nào tôi có thể đăng ký trong khu vực không?

Chọn A

### **34. B**

#### **Phương pháp:**

- Dịch nghĩa các câu đề bài từ a-d để hiểu được nghĩa của từng câu.

- Lần lượt sắp xếp trật tự các câu a-d để tạo thành một đoạn hội thoại hợp lý và có nghĩa.

\*Nghĩa của các câu

a. Richard: Really? Where did you go?

(Thật sao? Bạn đã đi đâu?)

b. Gloria: It was great, Richard! My family went on a holiday abroad.

(Nó rất tuyệt, Richard! Gia đình tôi đi nghỉ ở nước ngoài.)

c. Richard: Hi, Gloria! How was your summer?

(Chào Gloria! Mùa hè của bạn thế nào?)

d. Gloria: We went to Ba Bể National Park in Việt Nam.

(Chúng tôi đã đến Vườn quốc gia Ba Bể ở Việt Nam.)

### **Bài hoàn chỉnh**

(c) Richard: Hi, Gloria! How was your summer?

(b) Gloria: It was great, Richard! My family went on a holiday abroad.

(a) Richard: Really? Where did you go?

(d) Gloria: We went to Ba Bể National Park in Việt Nam.

### **Tạm dịch**

(c) Richard: Chào Gloria! Mùa hè của bạn thế nào?

(b) Gloria: Nó rất tuyệt, Richard! Gia đình tôi đi nghỉ ở nước ngoài.

(a) Richard: Thật sao? Bạn đã đi đâu?

(d) Gloria: Chúng tôi đã đến Vườn quốc gia Ba Bể ở Việt Nam.

Chọn B

### **35. C**

**Phương pháp:**

- Dịch nghĩa các câu đề bài từ a-d để hiểu được nghĩa của từng câu.
- Lần lượt sắp xếp trật tự các câu a-d để tạo thành một đoạn văn hợp lý và có nghĩa.

\*Nghĩa của các câu

a. Be sure to bring your camera, so you don't miss the perfect shots.

*(Hãy nhớ mang theo máy ảnh để không bỏ lỡ những bức ảnh hoàn hảo.)*

b. You will also enjoy the island's tropical green jungle with gorgeous waterfalls and unique opportunities to see the wildlife.

*(Bạn cũng sẽ được tận hưởng khu rừng xanh nhiệt đới của hòn đảo với những thác nước tuyệt đẹp và cơ hội độc đáo để ngắm nhìn đời sống hoang dã.)*

c. The first thing you will notice is the white sandy beaches with clear blue water.

*(Điều đầu tiên bạn sẽ chú ý là những bãi biển cát trắng với làn nước trong xanh.)*

d. Phú Quốc Island has plenty of things for tourists to see.

*(Đảo Phú Quốc có rất nhiều thứ để du khách tham quan.)*

**Bài hoàn chỉnh**

**(d)** Phú Quốc Island has plenty of things for tourists to see. **(c)** The first thing you will notice is the white sandy beaches with clear blue water. **(b)** You will also enjoy the island's tropical green jungle with gorgeous waterfalls and unique opportunities to see the wildlife. **(a)** Be sure to bring your camera, so you don't miss the perfect shots.

**Tam dịch**

*(d) Đảo Phú Quốc có rất nhiều thứ để du khách tham quan. (c) Điều đầu tiên bạn sẽ chú ý là những bãi biển cát trắng với làn nước trong xanh. (b) Bạn cũng sẽ được tận hưởng khu rừng xanh nhiệt đới của hòn đảo với những thác nước tuyệt đẹp và cơ hội độc đáo để ngắm nhìn đời sống hoang dã. (a) Hãy nhớ mang theo máy ảnh để không bỏ lỡ những bức ảnh hoàn hảo.*

Chọn C

**36. D****Phương pháp:**

- Dịch nghĩa các câu đề bài từ a-e để hiểu được nghĩa của từng câu.
- Lần lượt sắp xếp trật tự các câu a-e để tạo thành một đoạn văn hợp lý và có nghĩa.

\*Nghĩa của các câu

a. But why English?

*(Nhưng tại sao lại là tiếng Anh?)*

b. Over time, English became a global language.

*(Theo thời gian, tiếng Anh đã trở thành ngôn ngữ toàn cầu.)*

c. In the past, the British Empire spread English through trade because British merchants bought and sold things around the world.

*(Trong quá khứ, Đế quốc Anh đã truyền bá tiếng Anh thông qua thương mại vì các thương nhân người Anh mua bán mọi thứ trên khắp thế giới.)*

d. Also, English has simple grammar and its vocabulary is easy to pick up, so it is the main language in international trade, industry, finance and entertainment.

*(Ngoài ra, tiếng Anh có ngữ pháp đơn giản và từ vựng dễ tiếp thu nên đây là ngôn ngữ chính trong thương mại, công nghiệp, tài chính và giải trí quốc tế.)*

e. People often talk about English as an international language.

*(Mọi người thường nói tiếng Anh như một ngôn ngữ quốc tế.)*

### **Bài hoàn chỉnh**

(e) People often talk about English as an international language. (a) But why English? (c) In the past, the British Empire spread English through trade because British merchants bought and sold things around the world. (b) Over time, English became a global language. (d) Also, English has simple grammar and its vocabulary is easy to pick up, so it is the main language in international trade, industry, finance and entertainment.

### **Tam dịch**

*(e) Mọi người thường nói tiếng Anh là ngôn ngữ quốc tế. (a) Nhưng tại sao lại là tiếng Anh? (c) Trong quá khứ, Đế quốc Anh đã truyền bá tiếng Anh thông qua thương mại vì các thương nhân người Anh mua bán mọi thứ trên khắp thế giới. (b) Theo thời gian, tiếng Anh đã trở thành ngôn ngữ toàn cầu. (d) Ngoài ra, tiếng Anh có ngữ pháp đơn giản và từ vựng dễ tiếp thu nên là ngôn ngữ chính trong thương mại, công nghiệp, tài chính và giải trí quốc tế.*

Chọn D

### **37. D**

#### **Phương pháp:**

- Dịch nghĩa các câu đề bài từ a-c để hiểu được nghĩa của từng câu.
- Lần lượt sắp xếp trật tự các câu a-c để tạo thành một đoạn văn hợp lý và có nghĩa.

\*Nghĩa của các câu

a. It's much bigger than any other waterfall in the area.

*(Nó lớn hơn nhiều so với bất kỳ thác nước nào khác trong khu vực.)*

b. However, it isn't as accessible as the others. You can only visit it by helicopter.

*(Tuy nhiên, nó không thể tiếp cận được như những cái khác. Bạn chỉ có thể đến thăm nó bằng trực thăng.)*

c. Bless Falls is a very famous waterfall, and many people consider it to be the best of Fakenham's natural wonders.

*(Thác Bless là một thác nước rất nổi tiếng và nhiều người coi đây là kỳ quan thiên nhiên đẹp nhất của Fakenham.)*

### **Bài hoàn chỉnh**

(c) Bless Falls is a very famous waterfall, and many people consider it to be the best of Fakenham's natural wonders. **(a)** It's much bigger than any other waterfall in the area. **(b)** However, it isn't as accessible as the others. You can only visit it by helicopter.

### Tam dịch

(c) Thác Bless là một thác nước rất nổi tiếng và nhiều người coi đây là kỳ quan thiên nhiên đẹp nhất của Fakenham. (a) Nó lớn hơn nhiều so với bất kỳ thác nước nào khác trong khu vực. (b) Tuy nhiên, nó không thể tiếp cận được như những cái khác. Bạn chỉ có thể đến thăm nó bằng trực thăng.

Chọn D

### 38. A

#### **Phương pháp:**

- Dịch nghĩa các câu đề bài từ a-d để hiểu được nghĩa của từng câu.
- Lần lượt sắp xếp trật tự các câu a-d để tạo thành một lá thư hợp lý và có nghĩa.

\*Nghĩa của các câu

Hey Jane,

(*Này Jane,*)

a. My dad suggested we travel in October or April because it was less crowded at those times.

(*Bố tôi đề nghị chúng ta đi du lịch vào tháng 10 hoặc tháng 4 vì lúc đó ít đông đúc hơn.*)

b. He also said we should visit the Eiffel Tower and the Louvre Museum.

(*Ông ấy cũng nói chúng ta nên đến thăm Tháp Eiffel và Bảo tàng Louvre.*)

c. My family gave me some great suggestions for the trip to Paris you and I are taking next year, and I wanted to tell you about them.

(*Gia đình tôi đã cho tôi một số gợi ý tuyệt vời cho chuyến đi Paris mà bạn và tôi dự định thực hiện vào năm tới, và tôi muốn kể cho bạn nghe về chúng.*)

d. I thought that sounded pretty boring, so I asked my mom.

(*Tôi nghĩ điều đó nghe có vẻ khá nhàm chán nên tôi đã hỏi mẹ.*)

### Bài hoàn chỉnh

Hey Jane,

(c) My family gave me some great suggestions for the trip to Paris you and I are taking next year, and I wanted to tell you about them. **(a)** My dad suggested we travel in October or April because it was less crowded at those times. **(b)** He also said we should visit the Eiffel Tower and the Louvre Museum. **(d)** I thought that sounded pretty boring, so I asked my mom.

### Tam dịch

*Này Jane,*

(c) Gia đình tôi đã cho tôi một số gợi ý tuyệt vời cho chuyến đi Paris mà bạn và tôi dự định thực hiện vào năm tới, và tôi muốn kể cho bạn nghe về chúng. (a) Bố tôi đề nghị chúng ta đi du lịch vào tháng 10 hoặc tháng 4



vì lúc đó ít đông đúc hơn. (b) Ông ấy cũng nói chúng ta nên đến thăm Tháp Eiffel và Bảo tàng Louvre. (d) Tôi nghĩ điều đó nghe khá nhàm chán nên tôi đã hỏi mẹ tôi.

Chọn A

### 39. C

#### Phương pháp:

- Dịch nghĩa các câu đề bài từ a-c để hiểu được nghĩa của từng câu.
- Lần lượt sắp xếp trật tự các câu a-c để tạo thành một lá thư hợp lý và có nghĩa.

\*Nghĩa của các câu

Hi Tom,

(Chào Tom,)

a. Thanks for your email. You asked me if I knew some fun ways to learn English - yes, I do!

(Cảm ơn email của bạn. Bạn hỏi tôi có biết một số cách thú vị để học tiếng Anh không - vâng, tôi biết!)

b. First, you can watch movies or TV shows in English.

(Đầu tiên, bạn có thể xem phim hoặc chương trình truyền hình bằng tiếng Anh.)

c. Second, you can read stories in English.

(Thứ hai, bạn có thể đọc truyện bằng tiếng Anh.)

d. Finally, you can listen to your favorite English songs or choose something new to listen to.

(Cuối cùng, bạn có thể nghe những bài hát tiếng Anh yêu thích hoặc chọn một bài hát mới để nghe.)

e. Check out these awesome activities you can do - just pay attention to the study methods.

(Hãy xem những hoạt động tuyệt vời mà bạn có thể thực hiện - chỉ cần chú ý đến phương pháp học tập.)

Bye for now!

David

(Tạm biệt nhé!

David)

#### Bài hoàn chỉnh

Hi Tom,

(a) Thanks for your email. You asked me if I knew some fun ways to learn English - yes, I do! (e) Check out these awesome activities you can do - just pay attention to the study methods. (b) First, you can watch movies or TV shows in English. (c) Second, you can read stories in English. (d) Finally, you can listen to your favorite English songs or choose something new to listen to.

Bye for now!

David

#### Tạm dịch

Chào Tom,

(a) Cảm ơn email của bạn. Bạn hỏi tôi có biết một số cách thú vị để học tiếng Anh không - vâng, tôi biết! (e)

Hãy xem những hoạt động tuyệt vời mà bạn có thể thực hiện - chỉ cần chú ý đến phương pháp học tập. (b)

Đầu tiên, bạn có thể xem phim hoặc chương trình truyền hình bằng tiếng Anh. (c) Thứ hai, bạn có thể đọc truyện bằng tiếng Anh. (d) Cuối cùng, bạn có thể nghe những bài hát tiếng Anh yêu thích của mình hoặc chọn một bài hát mới để nghe.

Tạm biệt nhé!

David

Chọn C

#### 40. D

#### Phương pháp:

- Dịch nghĩa các câu đề bài từ a-c để hiểu được nghĩa của từng câu.
- Lần lượt sắp xếp trật tự các câu a-c để tạo thành một đoạn văn hợp lý và có nghĩa.

\*Nghĩa của các câu

Dear Giang,

(Giang thân mến,)

a. We spent our days cruising around the stunning islands and exploring amazing caves like Sừng Sốt.

(Chúng tôi dành cả ngày để du ngoạn quanh những hòn đảo tuyệt đẹp và khám phá những hang động tuyệt vời như Sừng Sốt.)

b. I just got back from a two-day trip to Hạ Long Bay, and it was incredible!

(Tôi vừa trở về sau chuyến đi hai ngày đến Vịnh Hạ Long, thật tuyệt vời!)

c. The local seafood was incredibly tasty, and the friendly locals made our stay even more enjoyable.

(Hải sản địa phương cực kỳ ngon và người dân địa phương thân thiện đã khiến kỳ nghỉ của chúng tôi trở nên thú vị hơn.)

d. I hope you can visit Hạ Long Bay soon!

(Tôi hy vọng bạn có thể sớm ghé thăm Vịnh Hạ Long!)

e. This trip was truly a memorable experience, and I can't wait to share more about it with you.

(Chuyến đi này thực sự là một trải nghiệm đáng nhớ và tôi rất nóng lòng muốn chia sẻ thêm về nó với bạn.)

Best,

Julia

(Thân,

Julia)

#### Bài hoàn chỉnh

Dear Giang,

(b) I just got back from a two-day trip to Hạ Long Bay, and it was incredible! (a) We spent our days cruising around the stunning islands and exploring amazing caves like Sừng Sốt. (c) The local seafood was incredibly tasty, and the friendly locals made our stay even more enjoyable. (e) This trip was truly a memorable experience, and I can't wait to share more about it with you. (d) I hope you can visit Hạ Long Bay soon!

Best,

Julia

**Tam dịch**

*Giang thân mến,*

*(b) Tôi vừa trở về sau chuyến đi hai ngày đến Vịnh Hạ Long, và thật tuyệt vời! (a) Chúng tôi dành cả ngày để đi du ngoạn quanh những hòn đảo tuyệt đẹp và khám phá những hang động tuyệt vời như Sừng Sốt. (c) Hải sản địa phương cực kỳ ngon và người dân địa phương thân thiện đã khiến kỳ nghỉ của chúng tôi trở nên thú vị hơn. (e) Chuyến đi này thực sự là một trải nghiệm đáng nhớ và tôi rất nóng lòng được chia sẻ thêm về chuyến đi này với các bạn. (d) Tôi hy vọng bạn có thể sớm đến thăm Vịnh Hạ Long!*

*Thân,*

*Julia*

Chọn D